

Bản án số: 150/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 12 - 9 - 2024

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Huệ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Thanh Tùng

2. Ông Đỗ Thanh Tuyên

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Minh Thơ - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Hồng Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 310/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2024, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 229/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 317/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 14 tháng 8 năm 2024, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Chị Hồ Thị Kim O, sinh năm 1993.

Địa chỉ: số C, ấp H, xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thế H, sinh năm 1985.

Địa chỉ: số B, ấp H, xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Tại phiên tòa, chị O và anh H đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Hồ Thị Kim O trình bày:

Chị O và anh H qua tìm hiểu tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 28/10/2020 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chị và anh H không còn chung sống với nhau đến khoảng tháng 5/2022 cho đến nay, chị O nhận thấy hiện tại tình cảm vợ chồng không còn nữa, nên chị O có đơn khởi kiện và yêu cầu:

- Về hôn nhân: Chị O có yêu cầu giải quyết cho được anh H.

- Về con chung: Chị O và anh H có con chung là Nguyễn Văn Tiến L, sinh ngày 05/02/2021, hiện nay đang sống chung với chị O. Khi ly hôn chị O có yêu cầu tiếp tục nuôi con và yêu cầu anh có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là ½ mức lương cơ sở theo quy định của Nhà nước cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị O có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

Đối với bị đơn là anh Nguyễn Thế H sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm đã có Thông báo hợp lệ các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời mở phiên tòa xét xử vụ án nhưng anh H đều vắng mặt không có lý do và không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của chị O.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phát biểu ý kiến:

Về tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án: thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chị O thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản pháp luật có liên quan. Bị đơn anh H chưa thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70,72 Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản pháp luật có liên quan.

Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hồ Thị Kim O.

- Về hôn nhân: Chị Hồ Thị Kim O được ly hôn với anh Nguyễn Thế H.

- Về con chung: giao con chung là Nguyễn Văn Tiến L, sinh ngày 05/02/2021 cho chị O tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Buộc anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, về nợ chung: Chị O trình bày không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

- Chị Hồ Thị Kim O khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và tranh chấp về nuôi con với anh Nguyễn Thế H. Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của chị O xác định vụ án có quan hệ pháp luật “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Anh Nguyễn Thế H là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại ấp H, xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng

Trôm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Chị Hồ Thị Kim O có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Thế H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Vì vậy, căn cứ theo quy định tại các khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị O và anh H.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị O và anh H tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 28 tháng 10 năm 2020 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre, nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Chị O trình bày trong quá trình chung sống với nhau, do hai bên bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chị và anh H không còn chung sống tháng 5/2022 cho đến nay. Hiện tại chị không còn tình cảm với anh H nữa nên chị khởi kiện có yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Đối với anh H trong quá trình giải quyết vụ án anh H đã được Tòa án Thông báo các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ nhưng vẫn vắng tại nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải về hôn nhân giữa chị O và anh H được. Đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị O, anh H không có ý kiến phản đối, để cho chị O tự giải quyết.

Xét thấy, giữa chị O và anh H không còn tình nghĩa vợ chồng vì không thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Bên cạnh đó, hiện tại anh chị đã không còn chung sống với nhau nữa.

Từ đó có đủ cơ sở khẳng định hôn nhân của chị O và anh H lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị O để giải quyết cho chị O được ly hôn với anh H.

[2.2] Về con chung: Chị O và anh H có con chung là Nguyễn Văn Tiến L, sinh ngày 05/02/2021. Khi ly hôn chị có yêu cầu được tiếp tục nuôi con cho đến khi đủ 18 tuổi, anh H không có ý kiến gì đến việc nuôi dưỡng con chung.

Hiện nay đối với con chung là Nguyễn Văn Tiến L, sinh ngày 05/02/2021 đang sống với chị O, chị O có công việc làm có thu nhập ổn định. Do vậy, chị O có đủ điều kiện, khả năng để tiếp tục nuôi con chung, đồng thời nhằm đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của trẻ, Hội đồng xét xử giao Nguyễn Văn Tiến L, sinh ngày 05/02/2021 cho chị O tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi là phù hợp.

Về việc cấp dưỡng cho con: theo quy định tại khoản 2 Điều 82 và khoản 1 Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình thì chị O có quyền yêu cầu anh H thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Theo quy định, mức đóng góp phí tổn nuôi dưỡng con tối thiểu không dưới ½ mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định tại thời điểm xét xử. Như vậy, căn cứ theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang, kể từ ngày

01/7/2024, là 2.340.000 đồng. Chị O có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con tháng bằng ½ mức lương cơ sở theo quy định của Nhà nước là 1.170.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định của pháp luật nên được xem xét chấp nhận. Về thời điểm cấp dưỡng cho con từ khi Hội đồng xét xử quyết định cho chị O và anh H ly hôn.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị O trình bày chị và anh H không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu xem xét giải quyết. Đối với anh H thì vắng mặt, không có ý kiến. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, nếu sau này anh H có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung thì được quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng và ý kiến đề nghị về việc giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật nên được xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí:

Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chị O phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng phí chị O đã nộp là 300.000 đồng. Chị O đã nộp đủ án phí.

- Anh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng là 300.000 đồng và còn phải nộp đủ số tiền này.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; các khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5, 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hồ Thị Kim O.

1. Về hôn nhân: Chị Hồ Thị Kim O được ly hôn với anh Nguyễn Thế H.

2. Về con chung:

- Giao con chung là Nguyễn Văn Tiến L, sinh ngày 05/02/2021 cho chị Hồ Thị Kim O được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Buộc anh Nguyễn Thế H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là Nguyễn Văn Tiến L, sinh ngày 05/02/2021, theo định kỳ hàng tháng, mỗi tháng là 1.170.000 (một triệu, một trăm bảy mươi nghìn) đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng kể từ ngày 12 tháng 9 năm 2024.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí:

- Chị Hồ Thị Kim O phải chịu án phí dân sự trong vụ án ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng phí chị O đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005221 ngày 18 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Chị O đã nộp đủ án phí.

- Anh Nguyễn Thế H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng và còn phải nộp đủ số tiền này.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

6. Về quyền yêu cầu thi hành án: trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- UBND xã Hưng Nhượng, huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Thanh Huệ

